

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 11 – 2025

Về: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Huỳnh Văn Dứt.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 344/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Nguyễn Thanh L, sinh năm 1970, số CCCD 072170006878, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/9/2023; địa chỉ cư trú: Số E đường P, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lý H, sinh năm 1960, số CCCD 089060000333, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/3/2021; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/11/2025 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Đặng Nguyễn Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Lý H được hình thành là do hai người tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1989, từ đó đến nay hai người chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H có quen biết với người phụ nữ khác rồi kiếm chuyện gây cãi với bà, bà nhiều

lần nhịn nhục và khuyên ngăn ông nhưng không được, nên bà bỏ nhà về cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, trong thời gian ly thân gia đình không hàn gắn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Bà với ông H có 01 con chung tên Lý Thành L1, sinh ngày 28/6/1990 đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông H không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông H không có nợ chung.

Bị đơn ông Lý H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L được hình thành đúng như bà L trình bày, từ trước đến nay hai người vẫn chưa đăng ký kết hôn, nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, bà L tự ý bỏ nhà về cha mẹ ruột dẫn đến ly thân nhau từ năm 1998 đến nay. Nay ông xét thấy nếu trở lại chung sống cũng không hạnh phúc, nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về quan hệ con chung: Đúng là ông với bà L có 01 con chung tên Lý Thành L1, sinh ngày 28/6/1990 đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà L.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình, riêng ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà L và ông H chung sống nhau từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX tuyên không công nhận bà L – ông H là quan hệ vợ chồng; về quan hệ con chung, Lý Thành L1 đã thành niên, hai bên không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung; nợ chung không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục:* Ông Lý H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt ông H theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm:* Bà L khởi kiện ly hôn với ông H là thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H có địa chỉ cư trú tại xã L, tỉnh An Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 giải quyết theo thẩm quyền.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà L – ông H được hình thành là do hai người tự tìm hiểu và chung sống nhau từ năm 1989; lẽ ra bà L – ông H phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cả bà L – ông H cùng trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, trình bày của bà L – ông H phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang ngày 17/11/2025, nơi ông H đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật Hôn và Gia đình tuyên không công nhận bà Đặng Nguyễn Thanh L và ông Lý H là quan hệ vợ chồng.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Bà L – ông H thống nhất có một con chung tên Lý Thành L1, sinh ngày 28/6/1990 đã trưởng thành và sống tự lập, ông bà không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà L – ông H khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nên HĐXX không giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Đặng Nguyễn Thanh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ **Điều 53** Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Nguyễn Thanh L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Nguyễn Thanh L và ông Lý H là quan hệ vợ chồng;

Về quan hệ con chung: Bà Đặng Nguyễn Thanh L và ông Lý H có 01 con chung Lý Thành L1, sinh ngày 28/6/1990 đã thành niên và sống tự lập bà L – ông H không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà L – ông H khai không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà L – ông H khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Đặng Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007283 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (bà L nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS khu vực 11;
- P.THADS khu vực 11 để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp.](#) **Lê Văn Huệ**